

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT NHU CẦU THEO BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /2026 của UBND xã Phước Chánh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Hướng dẫn tạm thời rà soát thực trạng	Kết quả rà soát	Đánh giá (đạt/không đạt)	Khối lượng, nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn trong giai đoạn 2026-2030	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí cần thiết để đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chỉ trong giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó chia ra			
				Xã nhóm 1 (định hướng đô thị)	Xã nhóm 2 (xã còn lại)	Xã nhóm 3 (xã khu vực II, III vùng đồng bào DTTSMN)						Dự kiến đề xuất hỗ trợ từ NSTP (triệu đồng)		Đối ứng NS xã giai đoạn 2026- 2030 (triệu đồng)	Lồng ghép từ nguồn XDCB tập trung và chương trình, dự án, cơ chế chính sách khác (triệu đồng)
												Giai đoạn 2026-2030	Trong đó: năm 2026		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12=13+15+16	13	14	15	16
		Tổng cộng									670.225	619.225	140.305	3.000	48.000
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Nếu quy hoạch các xã trước sáp nhập đã được duyệt trong giai đoạn 2021-2025	Đang thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh hoạch chung xã	Không đạt	Hoàn chỉnh quy hoạch chung xã trong năm 2026	1.000	1.000	1.000		
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có		Không quy định	(xã nhóm 3 không đánh giá chỉ tiêu này)		Đạt						
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Có		Không quy định		(xã nhóm 3 không đánh giá chỉ tiêu này)	Đạt						
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%; tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%	Đạt	Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%	Đường xã đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật, có các hạng mục cần thiết theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ ≥90%	Đáp ứng chỉ tiêu chung	Các xã đánh giá hệ thống đường giao thông trên địa bàn: Gồm đường xã, đường thôn, đường ngõ xóm; tỷ lệ đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến; ngoài ra, trong khi chờ hướng dẫn phân loại đường huyện cũ, đánh giá thêm đường ĐH (đường huyện cũ) đi qua xã Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu về giao thông của tiêu chí NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới	Tỷ lệ đường xã (ĐX) được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% (42,83Km/42,83Km); Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100% 5,66Km/5,66Km); Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (hoặc đường vào khu sản xuất tập trung đối với xã miền núi) được cứng hóa và đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 39,59% (5,40Km/13,64Km). Tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh ≥40%	Đạt	Bảo trì, nâng cấp mở rộng mặt đường đạt tiêu chuẩn 5,5m (2 làn xe) hàng năm và trồng cây xanh (tổng chiều dài 30/km/62,13km)	185.325	155.325	31.065		30.000
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hằng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ <25%, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Chưa đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ <25%, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ ≥20%, có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương <50%	Tiêu chí này cơ bản như chỉ tiêu 3.1 và 3.3 xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu về thủy lợi của tiêu chí NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới	Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiêu nước chủ động lên 47% (50 ha/106,47 ha)	Chưa đạt	Bảo trì hằng năm các công trình thủy lợi hiện có	26.000	21.000	7.800		5.000
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu về thủy lợi của tiêu chí NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới (Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 và Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)	Đạt	Đạt	Mua sắm trang thiết bị PCTT hằng năm	500	500	100		-
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥98%	≥99%	≥99%	≥98%	Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu về điện của tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới (Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)	Có 90% hộ	Đạt	Hỗ trợ cho khoảng 10% hộ gia đình còn lại sử dụng điện					
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn của tiêu chí NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới	có chợ	Đạt	Bảo trì nâng cấp chợ	10.000	10.000	5.000		-

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Hướng dẫn tạm thời rà soát thực trạng	Kết quả rà soát	Đánh giá (đạt/không đạt)	Khối lượng, nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn trong giai đoạn 2026-2030	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí cần thiết để đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chỉ trong giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó chia ra				
				Xã nhóm 1 (định hướng đô thị)	Xã nhóm 2 (xã còn lại)	Xã nhóm 3 (xã khu vực II, III vùng đồng bào DTSMN)						Dự kiến đề xuất hỗ trợ từ NSTP (triệu đồng)		Đổi ứng NS xã giai đoạn 2026- 2030 (triệu đồng)	Lồng ghép từ nguồn XDCB tập trung và chương trình, dự án, cơ chế chính sách khác (triệu đồng)	
												Giai đoạn 2026-2030	Trong đó: năm 2026			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12=13+15+16	13	14	15	16	
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt				Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu 8.2 của tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát trên địa bàn xã mới	Có 5/7 thôn đảm bảo phủ sóng (thôn 7 , chưa có đường truyền cáp quang; không có sóng nhà mạng Vinaphone)	Không đạt		200	200	100		-	
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm				Đánh giá thu nhập bình quân đầu người đến cuối 2025 (cách tính thu nhập như tiêu chí số 10 xã NTM giai đoạn 2021-2025)		Không đạt							
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt				Nêu rõ các vùng nguyên liệu tập trung của xã; có hay không có mã vùng trồng, các chứng nhận chất lượng (Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn của chỉ tiêu 13.6 của tiêu chí NTM nâng cao để rà soát)	Chưa có vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Không đạt	03 vùng nguyên liệu tập trung (cây ăn quả/cây dược liệu/rừng sản xuất) và 02 loại vật nuôi chủ lực (gia súc/gia cầm) được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	16.000	16.000	5.500		-	
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình				Nêu rõ tên các mô hình trên địa bàn; tính hiệu quả của các mô hình đến nay. (Tiêu chí này cơ bản như chỉ tiêu 13.3, 13.8 xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn của tiêu chí NTM nâng cao để rà soát)	Mô hình Nuôi Hươu sao lấy nhung kết hợp sinh sản	Đạt	Duy trì, phát triển mô hình nuôi Hươu sao lấy nhung, hằng năm hỗ trợ xây dựng 1 đến 2 mô hình	30.000	30.000	6.000			
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt				Rà soát theo quy định của tiêu chí 13.2 xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 (Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương hay chưa cần nêu rõ; đến nay có mấy sản phẩm OCOP còn hiệu lực)	Chưa có sản phẩm OCOP	Không đạt	Đến năm 2030, có 03 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên	1.500	1.500	300			
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt				Các điểm du lịch trải nghiệm văn hóa, nông nghiệp, sinh thái đặc trưng (homestay, văn hóa, sinh thái,...) theo quy hoạch được công nhận theo quy định hoặc theo Bộ tiêu chí OCOP.	Nêu rõ các điểm du lịch trên địa bàn; các điểm du lịch đã được cấp thẩm quyền công nhận (tạm thời áp dụng hướng dẫn của tiêu chí 13.7 xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát)	Các điểm du lịch trên địa bàn: Suối bay; Rừng 48; Du lịch cộng đồng Phước Công	Không đạt	Hoàn chỉnh quy hoạch chung xã trong năm 2026; kêu gọi, thu hút đầu tư các khu du lịch gắn với đặc trưng của địa phương	75.000	75.000	5.000		5.000
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt				Nêu rõ số HTX trên địa bàn (phần ra HTX NN, phi NN, du lịch) Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn của chỉ tiêu 13.1 của tiêu chí NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát	01 Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Không đạt	Củng cố, nâng cao hoạt động hiệu quả của HTX	2.500	2.500	500			
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định			Nêu rõ số tổ KN cộng đồng đã được thành lập; số tổ hoạt động hiệu quả tiêu chí này cơ bản như chỉ tiêu 13.5 xã NTM giai đoạn 2021-2025 nên áp dụng quy định của giai đoạn 2021-2025 để rà soát; xã nhóm 1 không đánh giá	5 tổ khuyến nông hoạt động hiệu quả	Không đạt	Củng cố, nâng cao hoạt động hiệu quả của Tổ khuyến nông	5.000	5.000	100			
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Nêu rõ số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi trên tổng số hộ nông dân trên địa bàn xã	407 hộ/1.018 hộ	Không đạt	Hỗ trợ, đầu tư các hộ gia đình phát triển trồng, chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao	50.000	50.000	10.000			
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt				Nêu các hoạt động của địa phương hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 68-NQ/TW và Nghị định 20/2026/NĐ-CP	02 - thủy điện Đắk mi 2, Đắk mi 3; không đăng ký kinh doanh trên địa bàn xã	Không đạt							
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01				Nêu các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn; thực trạng đầu tư; tỷ lệ lấp đầy; (có thể áp dụng chỉ tiêu 6.1 của huyện NTM giai đoạn 2021-2025 để đánh giá trên địa bàn xã; nếu có trên 01 khu/cụm thì đạt; không có thì không đánh giá)	Không có (Không đạt giá)	Đạt							
4	Đào tạo nguồn nhân	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Tiêu chí này cơ bản như giai đoạn 2021-2025 nên tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu 12.2 của tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Tỷ lệ: 20%	Không đạt	Đào tạo, cấp chứng chỉ, hỗ trợ việc làm	1.000	1.000	200			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Hướng dẫn tạm thời rà soát thực trạng	Kết quả rà soát	Đánh giá (đạt/không đạt)	Khối lượng, nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn trong giai đoạn 2026-2030	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí cần thiết để đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí trong giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó chia ra				
				Xã nhóm 1 (định hướng đô thị)	Xã nhóm 2 (xã còn lại)	Xã nhóm 3 (xã khu vực II, III vùng đồng bào DTTSMN)						Dự kiến đề xuất hỗ trợ từ NSTP (triệu đồng)		Đổi ứng NS xã giai đoạn 2026- 2030 (triệu đồng)	Lồng ghép từ nguồn XDCB tập trung và chương trình, dự án, cơ chế chính sách khác (triệu đồng)	
												Giai đoạn 2026-2030	Trong đó: năm 2026			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12=13+15+16	13	14	15	16	
	lực nông thôn	4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt				Rà soát theo số liệu thực tế; áp dụng chỉ hướng dẫn tiêu chí 14.2 của tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Tỷ lệ: đạt >85%	Không đạt							
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt				Nghiên cứu Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 – 2030 để rà soát	Cơ bản đạt khoảng 50% tiêu chí theo Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg	Không đạt	Đầu tư Nhà văn hóa - Khu thể thao	15.000	10.000	5.000	3.000	2.000	
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt				Nêu rõ số lượng các trường học trên địa bàn, kê cả trường THPT; mức độ đạt chuẩn quốc gia; đạt chuẩn cơ sở vật chất (tạm thời áp dụng các quy định của tiêu chí số 5 về giáo dục của xã NTM và NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát)	03 trường học; 01 trường đạt chuẩn quốc gia (trường TH xã Phước Chánh)	Không đạt	đầu tư 02 trường còn lại	120.000	120.000	30.000			
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt				Tạm thời áp dụng các chỉ tiêu của tiêu chí 15 của xã NTM và 14 của xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát (đánh giá tất cả chỉ tiêu này)	Đạt 3/4 chỉ tiêu	Không đạt	Nâng cấp trụ sở Y tế	30.000	30.000	2.000			
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt				Nêu rõ số lượng các Trạm y tế xã cũ so với mức đạt chuẩn quốc gia; tình hình kiến toàn Trạm Y tế sau sắp xếp theo quy định tại Thông tư 43/2025/TT-BYT để rà soát	01/02 Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia; đang kiến toàn Trạm Y tế sau sắp xếp	Không đạt	Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực cơ sở	5.000	5.000	1.000			
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Nêu rõ tỷ lệ nghèo đã giảm đến cuối 2025 (áp dụng hướng dẫn tiêu chí 11 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát)	32,32%	Không đạt	Tổ chức rà soát HN, HCN hằng năm theo quy định	250	250	50			
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	áp dụng hướng dẫn tiêu chí 9.2 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	67,68%	Không đạt	Hỗ trợ xây mới/sửa chữa cho 136 HN, CN và 193 hộ ở trong nhà bán kiên cố	25.000	25.000	7.000			
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt				đảm bảo bình quân các xã đạt tỷ lệ ≥65% (đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2 phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	Tạm thời áp dụng hướng dẫn tiêu chí 17.1 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát đảm bảo tỷ lệ trên 65%; trong đó xã nhóm 1 và nhóm 2 nêu rõ tỷ lệ hộ được sử dụng công trình cấp nước tập trung (tạm thời xã nhóm 1, nhóm 2 lấy mức nước sạch tập trung bằng giai đoạn 2021-2025 trên 50% là đạt)	19,00%	Không đạt	Đảm bảo 100% hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung. Đầu tư 01 nhà máy nước sạch Phước Chánh	30.000	30.000	10.000		
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”	Đạt				Tạm thời lấy mức 85% như giai đoạn 2021-2025 để đánh giá đạt	Nêu rõ tỷ lệ (số hộ đạt/tổng số hộ)	Đạt 85%	Đạt						
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt				Áp dụng hướng dẫn tiêu chí 18.5 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát (nội dung bình đẳng giới)	Có 02 cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã; Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã như quyết định, thông báo hoặc quy chế phân công nhiệm vụ; Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định; Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo	Đạt							
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt				đảm bảo bình quân các xã đạt tỷ lệ ≥90% số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	Áp dụng hướng dẫn tiêu chí 18.5 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát (nội dung trẻ em) đảm bảo tỷ lệ trên 90%	. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em;	Đạt						
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt				Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; không để xảy ra mất an toàn thực phẩm	Áp dụng hướng dẫn tiêu chí 17.10 của xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Đạt							
		7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt				Áp dụng hướng dẫn tiêu chí số 8 của xã NTM và 8.1 của xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Có điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt							
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt				Nêu rõ tỷ lệ số hóa các dữ liệu của ngành nông nghiệp và môi trường như đất đai, mã số vùng trồng, HTX ...	Chưa thực hiện	Không đạt	Số hoá dữ liệu	2.200	200	40		2.000	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Hướng dẫn tạm thời rà soát thực trạng	Kết quả rà soát	Đánh giá (đạt/không đạt)	Khối lượng, nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn trong giai đoạn 2026-2030	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí cần thiết để đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí trong giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó chia ra				
				Xã nhóm 1 (định hướng đô thị)	Xã nhóm 2 (xã còn lại)	Xã nhóm 3 (xã khu vực II, III vùng đồng bào DTTSMN)						Dự kiến đề xuất hỗ trợ từ NSTP (triệu đồng)		Đổi ứng NS xã giai đoạn 2026- 2030 (triệu đồng)	Lồng ghép từ nguồn XDCB tập trung và chương trình, dự án, cơ chế chính sách khác (triệu đồng)	
												Giai đoạn 2026-2030	Trong đó: năm 2026			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12=13+15+16	13	14	15	16	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt			Không quy định	Tạm thời áp dụng hướng dẫn tiêu chí số 13.5 của xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Chưa thực hiện	Không đạt	1. Xây dựng mô hình "Chợ 4.0 - Tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt" Nội dung: Tận dụng sự hỗ trợ từ các ngân hàng (như LP Bank) để thiết lập mã QR thanh toán cho 100% tiểu thương tại chợ trung tâm xã và các hộ kinh doanh dọc tuyến đường chính. Giao việc: Tổ Công nghệ số cộng đồng phối hợp cùng Đoàn Thanh niên đi từng sạp hàng, từng nhà để hỗ trợ mở tài khoản, in và dán mã QR mica đặt tại quầy. 2. Tổ chức "Phiên chợ Livestream bán sản Giã Trứng" trên nền tảng mạng xã hội Nội dung: Xây dựng kênh TikTok/Facebook chính thức để quảng bá sản phẩm. Vận động thanh niên, người dân mặc trang phục truyền thống của người Giã Trứng trực tiếp quay video, livestream giới thiệu nông sản sạch, đồ dệt thổ cẩm ngay tại vườn hoặc nhà rông. Giao việc: Phòng Văn hóa - Xã hội làm nòng cốt hướng dẫn kịch bản; Đoàn Thanh niên hỗ trợ kỹ thuật quay phát. 3. Dưa sản phẩm chủ lực lên	2.250	250	50			2.000
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình			Không quy định	Tạm thời áp dụng quy định thôn NTM thông minh của tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam để đánh giá; xã nhóm 3 không đánh giá chỉ tiêu này	Thôn 3 xã Phước Chánh	Đạt	Xây dựng mô hình Thôn thông m	1.000	1.000	200			2.000
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt				Tạm thời áp dụng chỉ tiêu 17.6, 17.11 của tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Chưa có bài rút	Không đạt	Xây dựng khu xử lý rác thải tập trung quy mô 2ha; tổ chức thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn 7 thôn	20.000	20.000	10.000			
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%				Tạm thời áp dụng chỉ tiêu 17.7 của tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Trên địa bàn việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón rất hạn chế/ ít rác thải	Đạt							
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%				Tạm thời áp dụng chỉ tiêu 17.2 của tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát	Không có (Không đất giá)	Không đánh giá							
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt				tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt ≥50% (đối với xã nhóm 1 phải có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp)	Căn cứ thực trạng để rà soát	Thoát nước, thu gom được thực hiện qua các kênh/mương hở và chưa được xử lý thải trực tiếp ra môi trường	Không đạt	Xây dựng 7 mô hình mẫu xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp/7 thôn	7.000	7.000	2.000		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Hướng dẫn tạm thời rà soát thực trạng	Kết quả rà soát	Đánh giá (đạt/không đạt)	Khối lượng, nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn trong giai đoạn 2026-2030	Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí cần thiết để đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí trong giai đoạn 2026-2030 (triệu đồng)	Trong đó chia ra			
				Xã nhóm 1 (định hướng đô thị)	Xã nhóm 2 (xã còn lại)	Xã nhóm 3 (xã khu vực II, III vùng đồng bào DTTSMN)						Dự kiến đề xuất hỗ trợ từ NSTP (triệu đồng)		Đối ứng NS xã giai đoạn 2026- 2030 (triệu đồng)	Lồng ghép từ nguồn XDCB tập trung và chương trình, dự án, cơ chế chính sách khác (triệu đồng)
												Giai đoạn 2026-2030	Trong đó: năm 2026		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		12=13+15+16	13	14	15	16
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt				Tạm thời áp dụng hướng dẫn chỉ tiêu 17.3 của tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021-2025 để rà soát; đồng thời nêu rõ mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn		Không đạt						
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt				Đánh giá theo kết quả năm 2025	Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt						
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt				Đánh giá theo kết quả năm 2025	Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt ≥90%	Đạt						
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt				Đánh giá theo kết quả năm 2025	đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt						
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt				Đánh giá theo kết quả năm 2025	Đảm bảo an ninh năm 2025	Đạt						
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt				Nêu rõ mô hình	Đang xây dựng hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã (300 triệu/năm 2026)	Đạt	Mở rộng hệ thống đường trục chính xã, điểm dân cư nông thôn, trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc,...	1.500	1.500	300		
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt				Đánh giá theo kết quả năm 2025	Vững mạnh và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt						